TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 890/2026/DS-PT Ngày 03/8/2026 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chế Linh

Ông Võ Bảo Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Thịnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1146/2026/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2026 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2026/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1350/2026/QĐ-PT ngày 13 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Hồng Đ, sinh ngày: 01/01/1988; số CC/CCCD: 094188009889, ngày cấp: 17/4/2023. Địa chỉ: L, đường B, Khu dân cư M, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường S, thành phố Cần Thơ); chỗ ơ: Số D, đường S, phường S, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Trọng V, sinh năm: 2004; số CC/CCCD: 095204000690, ngày cấp: 02/4/2021. Địa chỉ liên hệ: Số C, đường T, phường T, thành phố Cần Thơ (được đại diện theo văn bản ngày 10/3/2026). (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Như N, là luật sư của Công ty L1 thuộc . Địa chỉ: Số C, đường T, phường T, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Ú, sinh ngày: 30/10/1966; số CC/CCCD: 092066002746, ngày cấp: 10/5/2021. Địa chỉ: Số A, khu vực Bình Phó B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ (nay là phường L, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn theo văn bản ngày 10/3/2026:

1. Bà Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày: 17/4/2000; số CC/CCCD: 089300002421, ngày cấp: 17/3/2025. Địa chỉ: tổ A, khóm T, phường T, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Bà Đặng Mỹ L, sinh ngày: 02/11/1998; CCCD: 096198001557, cấp ngày 29/01/2023. Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ: Số B, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường A, thành phố Cần Thơ).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Ú, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Hồng Đ và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Đoàn Hồng Đ và ông Nguyễn Văn Ú có mối quan hệ quen biết. Ngày 20/9/2025, ông Ú có mượn của bà Đ số tiền 6.800 USD (đô la Mỹ), các bên tự thống nhất quy đổi tương đương 170.000.000 đồng Việt Nam theo tỷ giá thời điểm vay và không thỏa thuận lãi suất. Việc mượn tiền được ông Ú lập giấy biên nhận nợ viết tay, nội dung cam kết thanh toán nợ cho bà Đ làm 02 đợt, đợt 1 trả 3.800 USD vào ngày 20/10/2025, đợt 2 trả 3.000 USD vào ngày 20/11/2025.

Sau khi đến hạn thanh toán nợ, bà Đ đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Ú không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Ú trả nợ gốc 170.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh với lãi suất 20%/năm từ ngày 20/9/2025 đến ngày 20/02/2026 là 14.166.667 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, phía của nguyên đơn điều chỉnh yêu cầu về tiền lãi, đề nghị áp dụng mức lãi suất 0,83%/tháng tính đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 14.144.000 đồng; bao gồm tiền lãi trong hạn là 5.644.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 8.500.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Ú và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn thừa nhận có quen biết với nguyên đơn và thừa nhận bản chính Biên nhận ngày 20/9/2025 là do ông Ú viết và ký tên. Tuy nhiên, phía bị đơn cho rằng thực tế ông Ú chưa nhận số tiền 6.800 USD từ bà Đ. Lý do là sau khi viết biên nhận nợ tại Trụ sở Công an phường L, thành phố Cần Thơ thì giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn nên việc giao nhận tiền thực tế không diễn ra và nguyên đơn cũng không có chứng cứ chứng minh đã giao tiền.

Do thực tế chưa nhận tiền vay nên ông Ú không đồng ý trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận nợ gốc, ông Ú đề nghị áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Tại Bản án số 134/2026/DS-ST ngày 31/3/2026 (được sửa chữa, bổ sung ngày 10/4/2026) của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ đã quyết định (tóm tắt):

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Hồng Đ. Buộc ông Nguyễn Văn Ú trả cho bà Đ khoản tiền vay theo biên nhận ngày 20/9/2025 với tổng số tiền 175.644.000 đồng; trong đó tiền vốn là 170.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh từ 20/11/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.644.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đ đối với số tiền lãi quá hạn 8.500.000 đồng do hợp đồng vay không thỏa thuận lãi suất.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Sau khi xét xử, ngày 02/4/2026, ông Nguyễn Văn Ú có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét hết các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ông Ú không vay, không nhận tiền từ bà Đ. Ông Ú đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

+ Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ú được nộp trong thời hạn kháng cáo và có nội dung, hình thức phù hợp quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Ông Dương Trọng V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) để tiến hành xét xử vụ án.

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thừa nhận của ông Nguyễn Văn Ú, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), Hội đồng xét xử xác định vào ngày 20/9/2025, tại Trụ sở Công an phường L, thành phố Cần Thơ, ông Ú lập Biên nhận với nội dung ông Út M (vay không có lãi) của bà Đoàn Hồng Đ số tiền 6.800 USD (đô la Mỹ) và cam kết trả cho bà Đ 3.800 USD vào ngày 20/10/2025, số còn lại trả vào ngày 20/11/2025.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn, thì thấy:

[4.1] Bị đơn không thừa nhận nợ và cho rằng thực tế không nhận tiền, nhưng theo bản chính Biên nhận viết tay ngày 20/9/2025 do nguyên đơn giao nộp thể hiện nội dung *"Tôi tên: Nguyễn Văn Ú... Tôi có mượn bà Đoàn Hồng Đ... Số tiền: 6.800 đô (Sáu ngàn tám trăm USD là tiền đô la Mỹ... Tôi xin hứa đến ngày 20/10/2025 sẽ trả số tiền 3.800 USD còn lại sẽ trả vào ngày 20/11/2025"* (bút lục số 43). Tại Bản tự khai ngày 11/3/2026 và Biên bản phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận biên nhận nợ nêu trên là do chính ông Nguyễn Văn Ú tự viết và ký tên (bút lục số 36, 46b).

[4.2] Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đã viết văn bản thừa nhận có mượn và cam kết trả một khoản tiền lớn ngay tại Trụ sở Công an phường L, thành phố Cần Thơ đã thể hiện ý chí tự nguyện

xác lập nghĩa vụ trả nợ trên thực tế. Việc cho rằng chưa nhận được số tiền 6.800 USD là lời trình bày đơn phương của phía bị đơn, trong khi bị đơn không có chứng cứ chứng minh đã bị cưỡng ép hay lừa dối khi viết biên nhận. Do đó, kháng cáo của bị đơn về việc không có nợ số tiền này là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Tuy nhiên, xét tính hợp pháp của đối tượng giao dịch, Hội đồng xét xử thấy tại Biên nhận ngày 20/9/2025, các bên xác lập việc vay tiền bằng đồng ngoại tệ là 6.800 đô la Mỹ. Theo quy định tại Điều 22 Pháp lệnh Ngoại hối năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2013) và Điều 3 Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013 của Ngân hàng N2 thì trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết của người cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các trường hợp được phép như giao dịch với tổ chức tín dụng. Giao dịch vay tiền giữa bà Đ và ông Ú là giao dịch giữa các cá nhân, không thuộc trường hợp được phép sử dụng ngoại hối làm đối tượng giao dịch. Do đó, giao dịch này đã vi phạm điều cấm của pháp luật về quản lý ngoại hối nên bị vô hiệu toàn bộ theo quy định tại Điều 123 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hai bên có giao dịch vay bằng đồng đô la M1 nhưng lại công nhận hiệu lực của hợp đồng và buộc bị đơn thanh toán tiền lãi trong hạn là chưa phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch vô hiệu.

[6] Về xử lý hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu, theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015 về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu, các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Do đó, ông Nguyễn Văn Ú phải có trách nhiệm trả lại cho bà Đ1 Hồng Đào số tiền gốc còn nợ là 6.800 đô la Mỹ, tương đương 170.000.000 đồng Việt Nam đã được hai bên thống nhất xác định theo Biên nhận ngày 20/9/2025. Đồng thời, do giao dịch vay tài sản bằng ngoại tệ bị vô hiệu ngay từ thời điểm xác lập, nên không làm phát sinh nghĩa vụ trả lãi giữa các đương sự. Án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tiền lãi 5.644.000 đồng là không có căn cứ pháp luật đối với giao dịch vô hiệu. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn đối với số tiền nợ gốc; được chấp nhận đối với khoản tiền lãi.

[8] Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) để giữ nguyên bản án sơ thẩm của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ chấp nhận một phần.

[9] Do án sơ thẩm bị sửa nên án phí được xác định lại theo quy định tại Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án như sau:

[9.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 14.144.000 đồng x 5% = 707.200 đồng; bị đơn phải chịu 170.000.000 đồng x 5% = 8.5000.000 đồng.

[9.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ú.

2. Sửa một phần Bản án số 134/2026/DS-ST ngày 31/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ như sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Hồng Đ đối với ông Nguyễn Văn Ú.

Tuyên bố vô hiệu toàn bộ hợp đồng vay tiền theo Biên nhận ngày 20/9/2025. Buộc ông Nguyễn Văn Ú trả cho bà Đoàn Hồng Đ số tiền còn nợ là 170.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Hồng Đ về việc buộc ông Nguyễn Văn Ú trả số tiền lãi là 14.144.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đoàn Hồng Đ phải chịu 707.200 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 4.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001207 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ; trả lại cho bà Đoàn Hồng Đ số tiền còn thừa là 3.542.800 đồng.

Bị đơn phải chịu 8.5000.000 đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Ú không phải chịu; trả lại cho ông Nguyễn Văn Ú số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006442 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 72 của Luật Thi hành án dân sự 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự 2025.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 2 - Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Khương